

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2025/DS-ST**

Ngày: 04 - 9 - 2025.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng cầm cố tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền – là Thư ký Tòa án nhân dân **kh**u vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở **Tòa án nhân dân** khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 38/2025/QĐST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T.

Trụ sở: 128 D, phường **V**, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: **Ông T** - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: **Bà Thạch Thị Lệ T**, sinh ngày 18/12/1993

Căn cước công dân số: 082193013929, cấp ngày 09/12/2021.

Địa chỉ: Ấp T, xã S, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

(Văn bản ủy quyền số: 84/2025/UQ-SVN ngày 05 tháng 02 năm 2025).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh ngày 12/6/1974. (Vắng mặt)

Căn cước công dân số: 083174007032, cấp ngày 13/8/2021.

Địa chỉ: Ấp A, xã D, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2025, bản tự khai ngày 04/9/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn do bà Thạch Thị Lệ Tlà đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày:*

Ngày 29/11/2024 bà Huỳnh Thị N có cầm cố tài sản với Công ty T tại Chi nhánh Tiền Giang - Chợ Gạo 1 theo Hợp đồng cầm cố số ATM241101029NA19X ngày 29/11/2024 và có Phụ lục kèm theo.

- Tài sản cầm cố: 01 (một) xe mô tô. Nhãn hiệu: HONDA. Loại: SH mode ABS. Biển số xe: 71C1 - 474.05. Số khung: RLHJF5166KZ135386. Số máy: JF87E5074445. Giấy chứng nhận đăng ký số: 034644 do Công an huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Huỳnh Thị N ngày 02/07/2019.

- Số tiền cầm cố tài sản là: 26.755.319 đồng.

- Thời hạn cầm cố: 24 tháng, từ ngày 29/11/2024 đến ngày 29/11/2026.

- Gốc, lãi, phí trả hàng tháng 01 lần vào ngày 29 tây.

- Lãi suất cầm cố: 1,1% /tháng và các khoản phí phát sinh theo thỏa thuận theo Hợp đồng đã ký.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn.

- Hàng tháng trả vốn và lãi và phí thuê xe: 2.021.000 đồng, nếu chậm trả chuyển sang quá hạn là: 2.797.000 đồng.

- Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân.

- Ngày giải ngân: 29/11/2024.

Tài sản cầm cố là chiếc xe nêu trên được đăng ký tại Cục đăng ký giao dịch bảo đảm và bồi thường Nhà nước - Bộ Tư pháp ngày 17/01/2025.

** Ngoài ra, giữa hai bên có làm thêm Giấy thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/11/2024 với nội dung như sau:*

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 29/11/2024, bà Huỳnh Thị N đã có đơn gửi Công ty xin thuê lại chiếc xe và cam kết theo nội dung thỏa thuận thuê xe, tài sản thuê lại là 01 xe mô tô trên; phí thuê xe hàng tháng 1.444.787 đồng, thanh toán vào ngày 29 hàng tháng. Thời gian thuê xe: từ ngày 29/11/2024 đến ngày 29/11/2026, nhưng mỗi tháng phải thanh toán tiền thuê xe theo hình thức Công ty cấp 01 Giấy đi đường trong thời hạn 30 ngày, nếu thanh toán đủ sẽ gia hạn tiếp, nếu không thanh toán đủ Công ty sẽ yêu cầu giao trả lại tài sản và bà Huỳnh Thị N cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết tại khoản 2 Điều 4 của Giấy thuê tài sản: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận" theo yêu cầu từ Công ty.

- Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty đã giải ngân cho bà Huỳnh Thị N số tiền là: 26.755.319,15 đồng. Tuy nhiên, bà Huỳnh Thị N chỉ thanh toán từ ngày 03/01/2025 đến ngày 15/3/2025 cho Công ty số tiền là: 4.750.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 1.164.195 đồng. Lãi: 578.462 đồng. Phí quản lý hồ sơ cố định: 262.937 đồng. Phí thuê xe: 2.647.835 đồng. Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 96.571 đồng; bà N đã vi phạm nghĩa vụ từ ngày 29/01/2025 và

không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bà Huỳnh Thị N có thời gian thu xếp trả nợ nhưng bà Huỳnh Thị N vẫn không thực hiện.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền nợ **tạm tính đến ngày 04/9/2025** là: 37.316.320 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 25.591.124 đồng. Lãi trong hạn: 1.690.740 đồng. Lãi quá hạn: 455.110 đồng. **Tiền** thuê xe: 9.579.346 đồng. Đồng thời bà Huỳnh Thị N còn phải trả lãi phát sinh tiếp theo sau ngày 04/9/2025 cho Công ty, theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố và **phụ lục** kèm theo đã ký kết ngày 29/11/2024 cho đến bà Huỳnh Thị N trả tất nợ.

*** Về tài sản bảo đảm:** **Không yêu cầu xử lý về** tài sản cầm cố nhưng khi nào bà Huỳnh Thị N hoàn tất nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho Công ty, thì Công ty tự nguyện trả lại 01 bản chính giấy đăng ký xe mô tô cho bà Huỳnh Thị N.

Tại phiên tòa: Công ty T xin rút lại yêu cầu khởi kiện về **phí quản lý hồ sơ cố định, phạt vi phạm nghĩa vụ và rút yêu cầu trường hợp** sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán hết khoản nợ nêu trên thì bà Huỳnh Thị N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Công ty.

** Đối với bà Huỳnh Thị N là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà đều vắng mặt, mặc dù vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của bà.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Bị đơn bà Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ **lần thứ hai để xét xử**, nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Công ty khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền nợ theo hợp đồng cầm cố đã ký kết với số tiền tính đến ngày 04/9/2025 là 37.316.320 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “**Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản**” theo quy định tại **Điều 309 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị N **có nơi cư trú** tại ấp Bình Thới 3, xã Bình Đại, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào điểm a **khoản 1 Điều 35**, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

[4]. Tại phiên Tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về phí quản lý hồ sơ cố định, phạt vi phạm nghĩa vụ và rút yêu cầu trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán hết

khoản nợ nêu trên thì bà Huỳnh Thị N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Công ty. Xét thấy, việc rút yêu cầu nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ **điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244** của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của **Công ty** như nêu trên.

[5]. Đối với **các** tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp bổ sung sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nên Hội đồng xét xử công bố công khai tại phiên Tòa, là phù hợp với quy định tại **Điều 254** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty buộc bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả số tiền nợ 37.316.320 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh tiếp theo sau ngày 04/9/2025.

Cơ sở chứng cứ:

+ Hợp đồng cầm cố số: ATM241101029NA19X ngày 29/11/2024 và phụ lục kèm theo.

+ Giấy thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/11/2024.

- Hội đồng xét xử xét thấy:

[6]. Căn cứ Hợp đồng cầm cố số: ATM241101029NA19X và phụ lục kèm theo ngày 29/11/2024 được ký kết giữa Công ty T và bà Huỳnh Thị N; Phiếu đăng ký cầm cố; thỏa thuận thuê tài sản; Phiếu chi; Đơn yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng đều cùng ngày 29/11/2024; Giấy Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/01/2025, **thể hiện** bà N cầm cố: 01 (một) xe mô tô. Nhãn hiệu: HONDA. Loại: SH mode ABS. Biển số xe: 71C1 - 474.05. Số khung: RLHJF5166KZ135386. Số máy: JF87E5074445. Giấy chứng nhận đăng ký số: 034644 do Công an huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp ngày 02/07/2019 cho bà Huỳnh Thị N. Số tiền cầm cố tài sản là: **26.755.319** đồng. Thời hạn cầm cố: 24 tháng từ ngày 29/11/2024 - ngày 29/11/2026. Thỏa thuận gốc, lãi, phí trả hàng tháng 01 lần vào ngày 29 tây. Lãi suất cầm cố: 1,1% /tháng **và các khoản phí phát sinh theo thỏa thuận**. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn. Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân. Ngày giải ngân: 29/11/2024.

[6.1]. Về tài sản cầm cố: Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến tại **Cục đăng** ký giao dịch bảo đảm và bồi thường Nhà nước - Bộ Tư pháp, thời điểm đăng ký ngày 17/01/2025 theo số đăng ký 1574043080 theo Hợp đồng cầm cố số: ATM241101029NA19X ngày 29/11/2024.

Sau khi cầm cố tài sản do bà Huỳnh Thị N có nhu cầu sử dụng xe đi lại, nên xin mượn lại xe **theo giấy thỏa thuận** thuê tài sản ngày 29/11/2024. Theo thỏa thuận, bà Huỳnh Thị N thuê lại xe từ **ngày 29/11/2024 đến ngày 29/11/2026** phải hoàn trả xe cho Công ty và hàng tháng phải trả phí thuê xe 1.444.787 đồng và thanh toán vào ngày 29 hàng tháng nhưng bà Huỳnh Thị N chỉ thanh toán được 01 lần, thì không thanh toán tiếp.

[6.2]. Nhận thấy, bà Huỳnh Thị N có giao kết Hợp đồng cầm cố số: ATM241101029NA19X và phụ lục kèm theo ngày 29/11/2024 với Công ty SAWAD **trên tinh thần tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật tại Điều 117, 119, 309, 310 của Bộ luật Dân sự** nên hợp đồng có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, bà N cầm cố chiếc xe máy với số tiền **26.755.319** đồng; hằng tháng phải đóng lãi và gốc cho Công ty Sawad theo thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Huỳnh Thị N chỉ thanh toán cho Công ty từ ngày **03/01/2025 đến ngày 15/3/2025 với số tiền 4.750.000 đồng** và vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày **29/01/2025**.

Đối với bà N trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt nên không có lời khai, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập nhưng bà không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; **không cung cấp tài liệu, chứng cứ để** bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định tại **khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự**, xem như mặc nhiên bà N thừa nhận còn nợ **nguyên đơn** số tiền nợ **nêu trên**.

[6.3]. Xét thấy, bà N đã không thanh toán nợ đầy đủ theo **thỏa thuận** khi đến hạn trả nợ, là vi phạm nghĩa vụ của bên cầm cố tài sản theo quy định tại **Điều 4, Điều 6** của Hợp đồng cầm cố mà hai bên ký kết. Nay Công ty yêu cầu bà N trả số tiền còn nợ lại tính đến ngày 04/9/2025 là: 37.316.320 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 25.591.124 đồng; lãi trong hạn 1.690.740 đồng, lãi quá hạn 455.110 đồng, tiền phí thuê xe 9.579.346 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định **tại Điều 309, 311, 312, 313, 314 của Bộ luật Dân sự**; nên yêu cầu khởi kiện của Công ty được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.4]. Đồng thời Công ty yêu cầu bà Huỳnh Thị N còn phải trả lãi phát sinh tiếp theo sau ngày 04/9/2025, theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố **và phụ lục** đã ký kết ngày 29/11/2024 (là 1,1%/tháng, quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn) cho đến khi bà Huỳnh Thị N trả hết nợ là **phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng và phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự** nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về tài sản cầm cố: Nay Công ty không có yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. Về Hợp đồng mượn xe theo giấy thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/11/2024: Ghi nhận sự việc bà Huỳnh Thị N đang giữ, quản lý tài sản cầm cố là 01 (một) xe mô tô. Nhãn hiệu: HONDA. Loại: SH mode ABS. Biển số xe: 71C1 - 474.05 do bà Huỳnh Thị N đứng tên theo Hợp đồng giấy mượn xe (thỏa thuận thuê tài sản) ngày 29/11/2024. Nay Công ty không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 034644 do Công an huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp ngày 02/7/2019 đứng tên bà Huỳnh Thị N, Công

ty tự nguyện đồng ý hoàn trả cho bà Huỳnh Thị N sau khi bà Huỳnh Thị N hoàn thành các nghĩa vụ tài chính đối với Công ty nên ghi nhận.

[10]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty được chấp nhận toàn bộ, nên bà N phải có nghĩa vụ chịu án phí của số tiền 37.316.320 đồng là:

$37.316.320 \text{ đồng} \times 5\% = 1.865.816 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 280; 309, 310, 311, 312, 313, 314; khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 91; Điều 254, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về phí quản lý hồ sơ cố định, phạt vi phạm nghĩa vụ, về trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán hết khoản nợ nêu trên thì bà Huỳnh Thị N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại của Công ty T đối với bà Huỳnh Thị N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với bà Huỳnh Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”.

3. Buộc bà Huỳnh Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T số tiền nợ tính đến ngày 04/9/2025 là: 37.316.320 đồng (Ba mươi bảy triệu, ba trăm mười sáu nghìn, ba trăm hai mươi đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 25.591.124 đồng (Hai mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi một nghìn, một trăm hai mươi bốn đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 1.690.740 đồng (Một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 455.110 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm mười đồng).

+ Tiền thuê xe: 9.579.346 đồng (Chín triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng).

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 04 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Huỳnh Thị N còn phải có nghĩa vụ chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số: ATM241101029NA19X ngày 29/11/2024 và phụ lục hợp đồng cầm cố kèm theo mà các bên đã ký kết.

5. Ghi nhận sự việc bà Huỳnh Thị N đang giữ, quản lý tài sản cầm cố là 01 (một) xe mô tô. Nhãn hiệu: HONDA. Loại: SH mode ABS. Biển số xe: 71C1 - 474.05 do bà Huỳnh Thị N đứng tên theo Giấy thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/11/2024.

6. Ghi nhận Công ty T tự nguyện đồng ý có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị N 01 Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 034644 do Công an huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp ngày 02/7/2019 đứng tên bà Huỳnh Thị N sau khi bà Huỳnh Thị N hoàn thành nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đối với Công ty.

7. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

7.1. Bà Huỳnh Thị N phải có nghĩa vụ chịu là 1.865.816 đồng (Một triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm mười sáu đồng).

7.2. Công ty T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 778.530 đồng (Bảy trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0011244 ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Huỳnh Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tuấn Khanh – Đặng Hoàng Mích

Trần Thị Mỹ Duyên

